

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-ST

Ngày: 19 - 8 - 2022

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hiền.

Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 19/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 41/2022/QĐST-DS ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 1, thị xã K, tỉnh L (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Hoàng Hòa B, sinh năm 1975 (vắng mặt).

2/ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 05, đường N, khu phố 2, Phường 2, thị xã K, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị D, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày: Vào ngày 09/6/2020 ông Nguyễn Hoàng Hòa B và bà Phạm Thị L vay của bà số tiền là 70.000.000 đồng và ngày 18/9/2020 ông B và bà L vay thêm số tiền là 80.000.000 đồng, khi vay bà L có viết và ký tên trong biên nhận, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất do hai bên thỏa thuận, mục đích vay đáp ứng thiết yếu cho gia đình. Từ khi vay đến nay ông B và bà L không trả được khoảng nợ gốc và lãi, đã nhiều lần bà D yêu cầu ông B và bà L thanh toán nhưng vẫn kéo dài đến nay. Do ông B và bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà D khởi kiện yêu cầu ông B và bà L trả số tiền gốc là 150.000.000 đồng và lãi tính từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1% /tháng và yêu cầu trả một lần trong thời hạn sớm nhất.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau. Tại biên bản hòa giải ngày 13/6/2022 các bên đương sự thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án lập biên bản hòa giải thành. Tuy nhiên, đến ngày 17/6/2022 bà Phạm Thị D có đơn yêu cầu thay đổi ý kiến không đồng ý cho trả dần và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Phạm Thị D, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 1, thị xã K, tỉnh Lkhởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Hòa B, sinh năm 1975 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: Số 05, đường N, khu phố 2, Phường 2, thị xã K, tỉnh L. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Hoàng Hòa B và bà Phạm Thị L theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông Nguyễn Hoàng Hòa B và bà Phạm Thị L không có mặt và bà Phạm Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử vắng mặt bà D, ông B và bà L là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Hòa B, và bà Phạm Thị L trả số tiền gốc và lãi được xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về nội dung:

[1] Theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị D, các chứng cứ chứng minh kèm theo (các biên nhận ngày 09/6/2020 và ngày 18/9/2020) và biên bản hòa giải ngày 13/6/2022. Bà D yêu cầu ông B và bà L thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà D số tiền gốc và lãi theo các biên nhận ngày 09/6/2020 và ngày 18/9/2020 cụ thể như sau: Biên nhận ngày 09/6/2020 gốc vay 70.000.000 đồng x 1% x 26 tháng 10 ngày = 18.433.333 đồng; Biên nhận ngày 18/9/2020 gốc vay 80.000.000 đồng x 1% x 23 tháng 01 ngày = 18.426.667 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 186.860.000 đồng (70.000.000 đồng + 80.000.000 đồng + 18.433.333 đồng + 18.426.667 đồng). Xét thấy, yêu cầu của bà Phạm Thị D là hoàn toàn tự nguyện, có chứng cứ chứng minh theo quy định **tại Điều 91, 93, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D đối với** ông Nguyễn Hoàng Hòa B và bà Phạm Thị L. **Xử buộc** ông Nguyễn Hoàng Hòa B và bà Phạm Thị L **phải** thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị D số tiền tổng cộng gốc và lãi là 186.860.000 đồng (70.000.000 đồng + 80.000.000 đồng + 18.433.333 đồng + 18.426.667 đồng) là có căn cứ và phù hợp với Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[2] Đối với bà Phạm Thị L đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng thể hiện bà Loan đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của bà D nhưng bà L không có văn bản ghi ý kiến của mình, không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa nên được xác định bà Loan đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Mặt khác, khi giao kết hợp đồng vay tài sản (các biên nhận nợ) giữa bà D với ông B và bà L là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, được quy định tại các Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Đối với việc bà D yêu cầu ông B và bà L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà D số tiền tổng cộng gốc và lãi là 186.860.000 đồng. Xét thấy, ông B và bà L vay tiền với mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của bà D buộc ông B và bà L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà D số tiền tổng cộng gốc và lãi là 186.860.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 288 của Bộ luật dân sự và Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Đối với yêu cầu của bà D tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/QĐ-BPKCTT ngày 03/6/2022 phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ để đảm bảo thi hành án cho bà D là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 111 của Bộ luật tố tụng dân sự và nghị quyết số 02/2020/ NQ-HĐTP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên chấp nhận yêu cầu của bà D.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông B bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 238, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 288 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu toàn bộ khởi kiện của bà **Phạm Thị D** đối với ông Nguyễn Hoàng Hòa B và bà Phạm Thị L về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử buộc ông Nguyễn Hoàng Hòa B và bà Phạm Thị L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Phạm Thị D** số tiền là 186.860.000 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện khẩn cấp tạm thời số 05/QĐ-BPKCTT ngày 03/6/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Hoàng Hòa B và bà Phạm Thị L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu 9.343.000 đồng (chín triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị D 4.462.500đ (bốn triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0000693 ngày 02/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út